

| STT | SBD      | Họ và Tên              | Khối   | Lớp | Điểm  |
|-----|----------|------------------------|--------|-----|-------|
| 1   | 10568860 | Bùi Nguyễn Huyền Ngân  | Khối 4 | 4A7 | 5,340 |
| 2   | 10619246 | Nguyễn Bình An         | Khối 4 | 4A7 | 5,270 |
| 3   | 10984769 | Hoàng Thu Trang        | Khối 4 | 4A7 | 5,130 |
| 4   | 11004743 | Ngô Nam Phong          | Khối 4 | 4A7 | 4,870 |
| 5   | 11004837 | Nguyễn Ngọc Minh Khang | Khối 4 | 4A7 | 4,790 |
| 6   | 10561009 | Nguyễn Minh Hải        | Khối 4 | 4A7 | 4,690 |
| 7   | 11001795 | Nguyễn Bùi Quỳnh Anh   | Khối 4 | 4A7 | 4,640 |
| 8   | 10566497 | 49 Vũ Đức Việt         | Khối 4 | 4A7 | 4,540 |
| 9   | 11002247 | Đỗ Ngọc Bảo Linh       | Khối 4 | 4A7 | 4,460 |
| 10  | 10990829 | Đào Hiên Long          | Khối 4 | 4A7 | 4,370 |
| 11  | 10999911 | Nguyễn Hoàng My        | Khối 4 | 4A7 | 4,350 |
| 12  | 10558214 | Dương Hoàng Cẩm Nhi    | Khối 4 | 4A7 | 4,310 |
| 13  | 10984648 | Chu Đức Trí            | Khối 4 | 4A7 | 4,290 |
| 14  | 11005083 | Tạ Ngọc Minh           | Khối 4 | 4A7 | 4,060 |
| 15  | 10741815 | Vũ Ngọc Tường Vy       | Khối 4 | 4A7 | 3,970 |
| 16  | 10567917 | Phạm Nhã Uyên          | Khối 4 | 4A7 | 3,900 |
| 17  | 11004711 | Mai Long               | Khối 4 | 4A7 | 3,380 |
| 18  | 11005242 | Đoàn An Phương         | Khối 4 | 4A7 | 3,350 |
| 19  | 11004847 | Đỗ Khánh Toàn          | Khối 4 | 4A7 | 3,090 |
| 20  | 11005148 | Nguyễn Vũ An Khánh     | Khối 4 | 4A7 | 2,100 |
| 21  | 10744679 | Nguyễn Quang Minh      | Khối 4 | 4A7 | 1,880 |
| 22  | 11012681 | Lê Diệu Vy             | Khối 4 | 4A7 | 1,260 |
| 23  | 11004875 | Tạ Đức Kiên            | Khối 4 | 4A7 | 810   |
| 24  | 11008397 | Hoàng Nguyễn Thế Triết | Khối 4 | 4A7 | 200   |
| 25  | 11004730 | Nguyễn Hương Thảo      | Khối 4 | 4A7 | 190   |
| 26  | 10999310 | Trương Ngọc Diệp       | Khối 4 | 4A7 | 0     |
| 27  | 11004820 | Nguyễn Vũ Hoàng Phong  | Khối 4 | 4A7 | 0     |
| 28  | 11004744 | Trần Nguyên Đức Anh    | Khối 4 | 4A7 | 0     |